

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (lần 2)

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 2200/STNMT-BVMT ngày 20/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (lần 2). Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 quy định: **“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại”**.

- Luật Giá ngày 20 tháng 06 năm 2012.

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

- Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ.

- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Một số văn bản, tài liệu có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại*”.

Hiện nay, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đã được các địa phương vận dụng trên cơ sở Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 02/12/2017 của UBND tỉnh để tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, việc thực hiện giữa các địa phương là không giống nhau, mức thu giá dịch vụ hiện nay trên địa bàn các địa phương không đồng đều, không đồng nhất do có sự so sánh giữa các hộ gia đình có ít nhân khẩu với hộ gia đình có nhiều nhân khẩu; có địa phương thu giá tính trên khẩu, trên hộ gia đình,...; chưa căn cứ trên khối lượng hoặc thể tích chất thải

đã được phân loại để tính thu tiền... theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Từ các vấn đề nêu trên, việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để bãi bỏ Quyết định số 432/QĐ-UBND là cần thiết và có cơ sở.

2. Dự thảo Quyết định

2.1. Một số nội dung tại dự thảo Quyết định chưa phù hợp, Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo số 348/BC-STP ngày 15/12/2021 Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, nhưng cơ quan soạn thảo chưa tiếp thu hoặc mới tiếp thu một phần, cụ thể:

a) Tên dự thảo Quyết định, phạm vi điều chỉnh và nội dung dự thảo Quyết định quy định “*giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”.

Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại”.*

Khoản 2, điểm a, điểm d khoản 3 Điều 19 Luật giá năm 2012 quy định:

“*Điều 19. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá*

2. Các hình thức định giá:

a) Mức giá cụ thể;

b) Khung giá;

c) Mức giá tối đa, mức giá tối thiểu.

3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được quy định như sau:

a) Định mức giá cụ thể đối với:

- Các dịch vụ hàng không, bao gồm: dịch vụ cất cánh, hạ cánh; điều hành bay đi, đến; hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay; soi chiếu an ninh;

- Dịch vụ kết nối viễn thông;

- Điện: giá truyền tải điện; giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện;

d) Định giá tối đa hoặc giá tối thiểu đối với:

- Hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia; hàng hóa, dịch vụ được Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh; sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, trừ dịch vụ được quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

- Sản phẩm thuốc lá điều sản xuất trong nước;

- Giá cho thuê đối với tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng”.

Theo đó, liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt thì khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 giao (phân cấp) cho UBND tỉnh quy định 03 nội dung: (1) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; (2) Quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (3) Quy định cụ thể **hình thức** và **mức kinh phí** hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại.

Đối với nội dung thứ (1): “*Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn*”, cơ quan soạn thảo dự kiến đưa nội dung này vào Quy định tổng thể về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

Đối với nội dung thứ (2), Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 giao (phân cấp) cho UBND tỉnh quy định **giá cụ thể** đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Nhưng dự thảo Quyết định ban hành **giá tối đa** dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong khi đó, theo quy định của pháp luật về giá thì “*mức giá tối đa*” và “*mức giá cụ thể*” là hai hình thức khác nhau. Tại hồ sơ gửi thẩm định lần 2 kèm theo Văn bản số 2200/STNMT-BVMT, cơ quan soạn thảo giải trình về việc quy định “**mức giá tối đa**” căn cứ quy định tại điểm i khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP*): “*Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước*”.

Tuy nhiên, khoản 2, 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định:

“2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”.

Theo đó, trong trường hợp này phải áp dụng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Đối với nội dung thứ (3), dự thảo Quyết định mới quy định về mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh, còn thiếu nội dung **“hình thức hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt”**

Ngoài ra, khoản 1 Điều 1 dự thảo Quyết định quy định: **“Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”**, chưa bao quát toàn bộ nội dung dự thảo Quyết định, vì dự thảo Quyết định còn quy định về mức kinh phí cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định và Phụ lục I ban hành kèm theo dự thảo Quyết định).

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu để quy định cho phù hợp.

b) Một số nội dung tại Điều 4 dự thảo Quyết định quy định lại nội dung đã được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là không cần thiết và không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)¹, cụ thể:

Điểm c, d khoản 5 Điều 4 dự thảo Quyết định quy định:

“5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: ...

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

d) Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng

¹ khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020): **“Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”**

dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt”.

Quy định nêu trên quy định lại nội dung đã được quy định tại điểm b, c khoản 7 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

“7. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây: ...

b) Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt;

c) Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt”.

Do đó, đề nghị bỏ điểm c, d khoản 5 Điều 4.

2.2. Điều 2 (Mức giá, kinh phí tối đa chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt)

a) Tên Điều 2: “Mức giá, kinh phí tối đa chi trả dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt”, tuy nhiên khoản 1 Điều này quy định mức kinh phí phải chi trả, không phải quy định *“kinh phí tối đa”*, đề nghị chỉnh sửa.

b) Khoản 1 quy định: *“Mức kinh phí chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này)”*.

Đề nghị chỉnh sửa thành *“Mức kinh phí cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này)”*, đồng thời, chỉnh sửa tương tự tại Phụ lục I.

2.3. Nơi nhận: Đề nghị chỉnh sửa nơi nhận *“Như Điều 3 (thi hành)”* thành *“Như Điều 5 (thi hành)”* để bảo đảm chính xác; đồng thời, sắp xếp lại địa chỉ nơi nhận theo thứ tự địa vị pháp lý từ cao xuống thấp.

2.5. Mức kinh phí chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (đã bao gồm thuế VAT) tại dự thảo Phụ lục I; Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (đã bao gồm thuế VAT) tại dự thảo Phụ lục II

Nội dung này do Sở Tài chính tiến hành thẩm định giá theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP): “1. Trình và thẩm định phương án giá: d) Hàng hóa, dịch vụ **thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh** do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá. **Trường hợp sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh trình phương án giá để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;** trường hợp thẩm định bằng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai”, vì vậy, Sở Tư pháp không tiến hành thẩm định.

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt nghiên cứu căn cứ tính toán giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân tại khoản 1 Điều 79 Luật môi trường năm 2020, gồm: “a) Phù hợp với quy định của pháp luật về giá; b) Dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; c) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân đã được phân loại riêng thì không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý” và khoản 2 Điều 79 Luật Môi trường năm 2020 “Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không phân loại hoặc phân loại không đúng ... thì phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý như đối với chất thải rắn sinh hoạt khác”, để quy định **giá cụ thể** đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân cho phù hợp, góp phần khuyến khích được hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định Luật Môi trường năm 2020.

Ngoài ra, đề nghị xem lại một số nội dung sau:

- Tên khoản 2 Mục B Phụ lục I: “Đối với các cửa hàng kinh doanh, dịch vụ, khách sạn, nhà hàng kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ”, nhưng điểm 2.4 quy định “Đối với các nhà máy, cơ sở sản xuất”.

- Điểm 2.1 và 2.2 khoản 2 Mục B Phụ lục I quy định:

“2.1. Đối với các cửa hàng kinh doanh, dịch vụ, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống, cà phê giải khát, karaoke, nhà nghỉ, khách sạn có từ 01 đến 20 phòng:...

2.2. Khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng có từ 20 phòng trở lên:...”

Theo đó, đối với khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng 20 phòng thì thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 hay 2.2; đối với nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống, cà phê giải khát phân loại quy mô theo số phòng là chưa hợp lý, mà phải tính số lượng khách tối đa/lần phục vụ.

3. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại toàn bộ dự thảo Quyết định để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản cho phù hợp với quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) và Mẫu số 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*) như: Rà soát, chỉnh sửa một số lỗi chính tả tại dự thảo Quyết định; số thứ tự các khoản trong mỗi Điều là kiểu chữ đứng, không đậm; nếu khoản có tiêu đề thì trình bày tiêu đề của khoản bằng kiểu chữ đứng, không đậm; thứ tự các điểm trong mỗi khoản dùng các chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt; .v.v...

III. KẾT LUẬN

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Báo cáo số 348/BC-STP ngày 15/12/2021 của Sở Tư pháp Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Mục II Báo cáo thẩm định này; đồng thời rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo văn bản để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo văn bản cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (lần 2)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Giám đốc STP;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
(Lan.06b)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược